TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LV** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 6 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thành Công.

2. Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Số 217A/5 ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Ấp 2, xã N, huyện H, tỉnh Long An; Chị A có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lê Quang M, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 90C, ấp AH, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Anh M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Chị A và anh Lê Quang M quen biết nhau và sống chung với nhau từ năm 2016, sau đó được gia đình anh M tổ chức lễ cưới, đến ngày 02/5/2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 39. Chị A và anh M chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 3/2020 thì phát

sinh mâu thuẫn, sau đó chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện H, tỉnh Long An sinh sống đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng sống chung không hạnh phúc, anh M chỉ lo nhậu và chơi game không quan tâm đến vợ con, chị A đã nhiều lần khuyên nhưng anh M vẫn không sửa đổi. Từ khi chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Long An thì anh M có đến 03 lần; có 01 lần anh M đến nhà không gặp được chị A và con thì anh M có dùng lời lẻ xúc phạm cha mẹ của chị A do chị A sợ anh M đến bắt con nên chị A mới tránh mặt. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh M. Về nuôi con chung: Quá trình sống chung chị A và anh M có 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/12/2018, hiện nay đang sống chung với chị A và khi ly hôn chị A yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Quang M thống nhất với lời trình bày của chị A về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Anh M cho rằng vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, chỉ có cãi vả qua lại, chị A cho rằng anh M thường xuyên ăn nhậu và về chửi vợ con là không đúng, ban ngày anh M vẫn làm việc bình thường tối về anh M có nhậu nhưng không thường xuyên và anh M không có chửi vợ con như chị A trình bày. Khoảng đầu tháng 3 năm 2020 chị A xin anh M về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Long An chơi; sau đó chị A ở nhà cha mẹ ruột chị A đến nay không về nhà anh M sống. Khi chị A bỏ về cha mẹ ruột thì anh M có đến gặp chị A nhiều lần để hàn gắn đoàn tụ nhưng anh M chỉ gặp con được 01 lần vì mỗi lần anh M đến chị A đều đem con đi giấu không cho anh M gặp mặt; có 01 lần anh M đến thăm nhưng không gặp được chị A và con, sau đó anh M có gặp cha mẹ chị A, anh M có lời qua tiếng lại với cha mẹ vợ. Tuy thời gian chị A về nhà cha mẹ ruột sống nhưng anh M vẫn tới lui và vợ chồng vẫn còn sống chung không có ly thân. Do anh M còn tình cảm với chị A nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A, mà mong muốn hàn gắn tình cảm để vợ chồng cùng lo cho con. Về nuôi con chung: Anh M thống nhất vợ chồng có con chung tên là Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/12/2018 như chị A trình bày. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A thì anh M không đồng ý giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, mà anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình. Xét thấy, hôn nhân của chị A và anh M mâu thuẫn vợ chồng chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm có thể hàn gắn đoàn tụ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc A đối với anh Lê Quang M. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A nên không xem xét yêu cầu nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Ngọc A khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lê Quang M là những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị A và anh M thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh M có địa chỉ cư trú số nhà 90C, ấp AH, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Việc chị A và anh M đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo chứng nhận kết hôn số 39 đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Sau khoảng hơn 03 năm chung sống, tuy có những bất hòa trong cuộc sống, có cãi vả nhau nhưng vợ chồng vẫn thương yêu nhau, vẫn chung sống hạnh phúc. Sau đó từ việc thiếu sự chia sẻ, thông cảm nhau trong thực hiện các công việc trong gia đình, ngoài xã hội, một phần cũng vì điều kiện kinh tế gia đình nên ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, nhưng không vì thế mà vợ chồng xa nhau, mà vợ chồng vẫn cùng nhau chia sẻ, gánh vác trách nhiệm với nhau. Tuy nhiên đến tháng 3 năm 2020 thì chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Long An sinh sống đến nay. Ngày 06/3/2020 chị A làm đơn khởi kiện ly hôn anh M. Sau khi vợ chồng xa nhau anh M nhiều lần đến năn nỉ chị A về đoàn tụ gia đình, nhưng chị A không đồng ý về chung sống với anh M do anh M không quan tâm chăm sóc vợ con và có lời lẻ xúc phạm đến cha mẹ ruột của chị A. Tuy anh M thừa nhận có lời qua tiếng lại với cha mẹ vợ là do anh M đến thăm con nhưng chị A tránh mặt không cho anh M thăm con nên mới xảy ra chuyện cự cải giữa anh M và cha mẹ chị A. Qua yêu cầu ly hôn của chị A, trong quá trình giải quyết cũng như

tại phiên tòa, anh M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A, mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau lo cho con chung.

Xét thấy hôn nhân giữa chị A và anh M chưa đến mức lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình, có khả năng đoàn tụ, vợ chồng còn có thể hàn gắn để lo cho hạnh phúc gia đình. Anh M tuy có lời lẻ không đúng với cha mẹ vợ nhưng chỉ là nhất thời, anh M không vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân giữa chị A và anh M lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; thể hiện qua việc nhiều lần anh M đến thăm chị A vợ chồng vẫn sống chung với nhau được chị A thừa nhận. Hơn nữa chị A không có chứng cứ chứng minh hôn nhân giữa chị A và anh M đã trầm trọng, không thể kéo dài theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy việc chị A yêu cầu xin ly hôn anh M là chưa có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận, mà cần bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc A xin ly hôn anh Lê Quang M là đúng quy định của pháp luật.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu của chị A xin ly hôn anh M nên Hội đồng xét xử không xem xét về nuôi con chung, về chia tài sản giữa chị A và anh M.

[4] Về nợ chung: Chị A và anh M trình bày không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 47 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A xin ly hôn với anh Lê Quang M.

2. Về nuôi con chung, về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018/0009324 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- UBND xã B;

(GCNKH số 39 ngày ĐK 02/5/2019)
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Kiến